

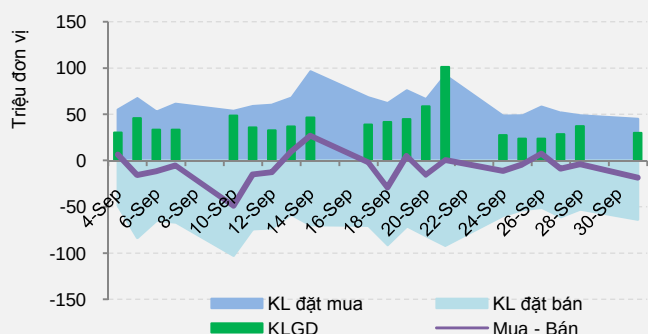
# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 1/10/2012

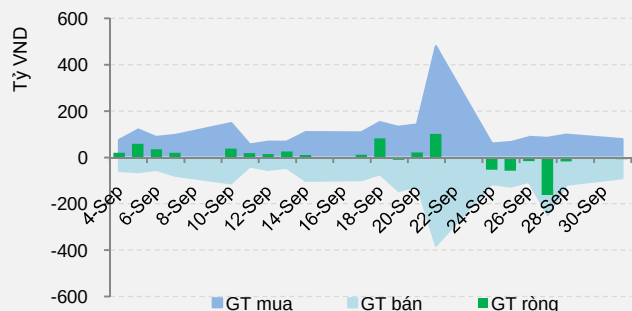
| Thống kê thị trường | HOSE       | HNX        |
|---------------------|------------|------------|
| Index               | 386.55     | 54.27      |
| % Thay đổi          | ↓ -1.53%   | ↓ -2.16%   |
| KLGD (CP)           | 29,915,035 | 22,942,466 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 478.71     | 169.14     |
| Tổng cung (CP)      | 63,465,060 | 42,648,300 |
| Tổng cầu (CP)       | 45,096,240 | 27,385,600 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 2,737,022 | 11,800  |
| KL mua (CP)       | 2,767,992 | 451,800 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 79.39     | 6.35    |
| GT bán (tỷ đồng)  | 87.58     | 0.03    |
| GT ròng (tỷ đồng) | (8.19)    | 6.31    |

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -2.71%   | 7.8  | 1.4 | 2.6%  |
| Công nghiệp         | ↓ -2.02%   | 9.9  | 0.8 | 13.8% |
| Dầu khí             | ↑ 0.06%    | 4.5  | 0.9 | 2.0%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -1.00%   | 8.6  | 1.1 | 0.4%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↓ -1.56%   | 7.0  | 2.2 | 5.6%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -0.52%   | 12.7 | 3.9 | 18.3% |
| Ngân hàng           | ↓ -1.99%   | 4.5  | 1.3 | 11.7% |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.47%   | 5.6  | 2.0 | 14.5% |
| Tài chính           | ↓ -1.96%   | 25.3 | 3.1 | 26.2% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↓ -3.01%   | 11.5 | 2.5 | 5.0%  |
| VN - Index          | ↓ -1.53%   | 10.8 | 2.6 | 74.0% |
| HNX - Index         | ↓ -2.16%   | 7.1  | 1.5 | 26.0% |

## Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

|               | Mua | Tỷ trọng | Bán | Tỷ trọng |
|---------------|-----|----------|-----|----------|
| KLGD (CP)     |     |          |     |          |
| GTGD (tỷ VND) |     |          |     |          |

## ÁP LỰC LẠM PHÁT GIA TĂNG – THỊ TRƯỜNG GIẢM DẦN VỀ CUỐI PHIÊN

### Diễn biến thị trường:

- Thị trường giảm điểm mạnh dần về cuối phiên trên hai sàn.
- Nhóm cổ phiếu Bluechips thuộc nhóm ngành hàng tiêu dùng, dầu khí tích cực hơn thị trường chung. Còn lại đa số cổ phiếu theo chiều hướng giảm.

### Nhận định:

Thị trường tiếp phiên giảm điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số. Nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản thị giá thấp giảm điểm khá mạnh.

Hôm nay Cục Quản lý giá và Tổ Điều hành thị trường trong nước dự báo hai kịch bản về chỉ số CPI. Theo đó, CPI tháng 10 tăng khoảng 0.8-1% so với tháng 9, CPI cả năm tăng khoảng 8% nếu dịch vụ y tế và giáo dục chưa điều chỉnh tăng tại một số địa phương. Trong trường hợp giá dịch vụ y tế, giáo dục được điều chỉnh tăng theo lộ trình (hiện có 6 tỉnh được UBND cấp tỉnh phê duyệt tăng phí dịch vụ y tế trong tháng 10), CPI tháng 10 sẽ tăng khoảng 1.2-1.5% và khả năng kiềm chế lạm phát cả năm ở mức 1 con số là khó khăn.

Theo báo cáo của HSBC, chỉ số PMI của Việt Nam trong tháng 9 đạt 49.2 điểm, mức cao nhất trong năm tháng gần đây. Diễn biến này cho thấy tốc độ sụt giảm sản xuất đang chậm lại đáng kể. Tuy nhiên, mức độ cải thiện này chưa cho tín hiệu tích cực về sự phục hồi của hoạt động sản xuất khi PMI vẫn ở mức dưới 50. Kết hợp với thực tế áp lực lạm phát đang quay trở lại khiến nhà đầu tư quan ngại về bối cảnh vĩ mô.

Hôm nay là ngày khai mạc Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Một số nội dung chính của hội nghị: 1/ Tình hình kinh tế-xã hội năm 2012, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán NSNN năm 2013; 2/ Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả DNN; 3/ Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; 4/ Báo cáo kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình của Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng.

Về phía yếu tố kỹ thuật, hai chỉ số Index vẫn đang theo chiều hướng giảm xuống đường biên dưới của kênh dao động (378 điểm đối với VN-Index; 54 điểm đối với HNX-Index). Với phiên giảm điểm hôm nay, VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ của kênh tăng giá ngắn hạn thiết lập từ gần cuối tháng 8/2012; HNX-Index đã giảm qua mốc đáy thấp nhất đã thiết lập (54.64 điểm vào ngày 9/1/2012) mà không có nhiều sự giằng co.

Phiên giảm qua mốc hỗ trợ không đi kèm với diễn biến thanh khoản tăng mạnh chưa cho tín hiệu tin cậy về việc phá vỡ mốc hỗ trợ. Ngoài nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản mang tính đầu cơ, áp lực cung giá thấp không lớn. Tuy nhiên, diễn biến thị trường giảm điểm mạnh dần về cuối phiên cho tín hiệu kém tích cực. Lực cầu bắt đáy còn rất hạn chế, trong khi phía cung đang giảm dần kiên nhẫn.

*Thị trường dự báo tiếp tục giảm điểm trong phiên ngày mai. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của thị trường là mốc 378 điểm đối với VN-Index; 52 điểm đối với HNX-Index.*



| Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Xu hướng dài hạn |
|-------------------|--------------------|------------------|
| Tích lũy          | Tăng               | Tăng             |
| Hỗ trợ 1          | Hỗ trợ 2           | Hỗ trợ 3         |
| 378               | 360                |                  |
| Kháng cự 1        | Kháng cự 2         | Kháng cự 3       |
| 405               |                    |                  |



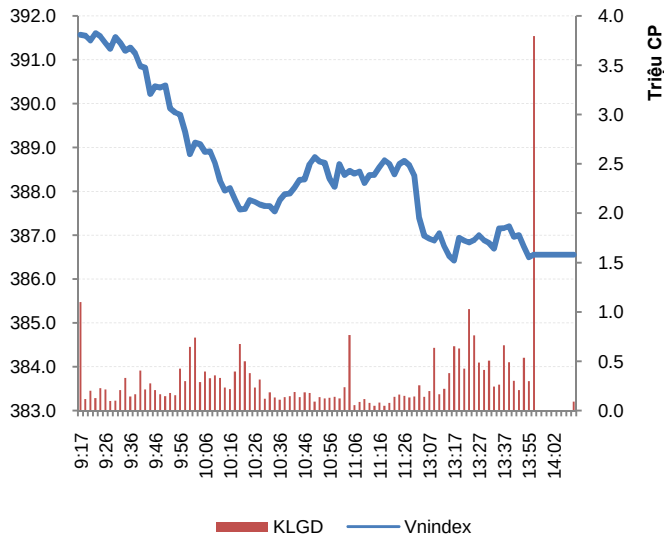
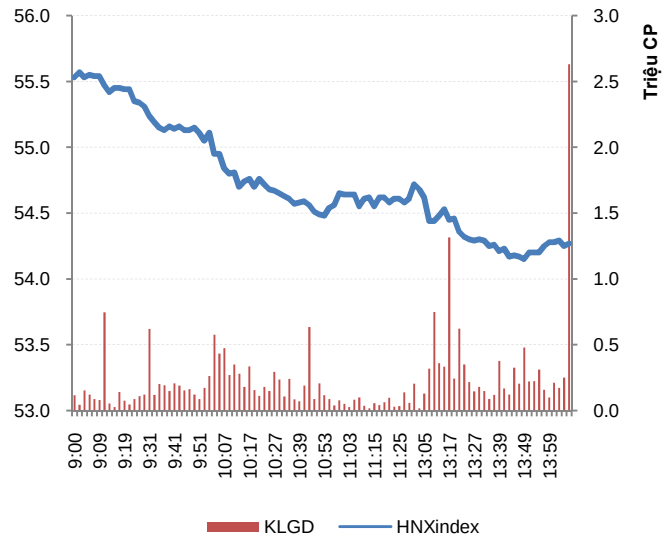
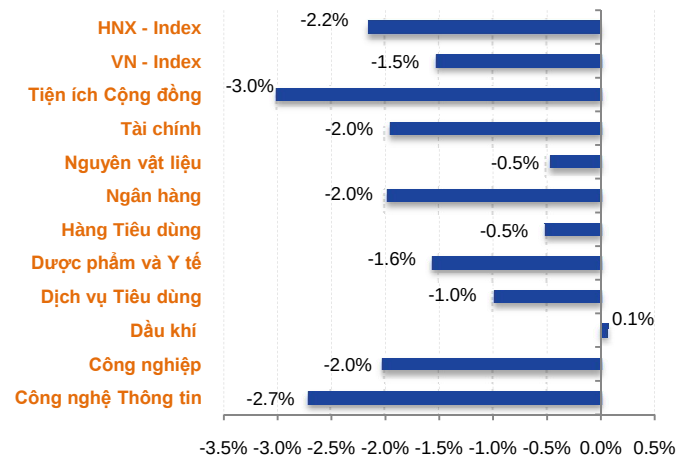
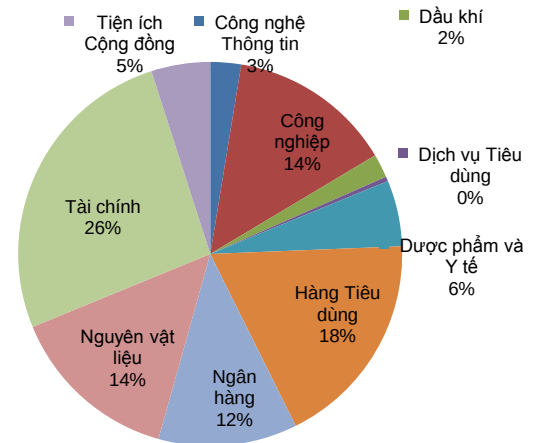
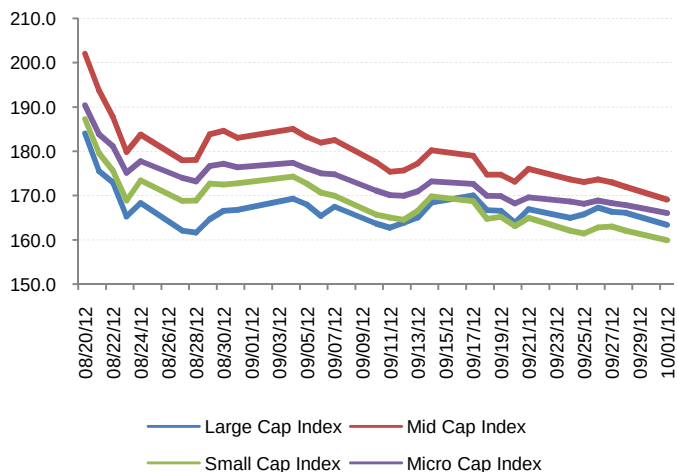
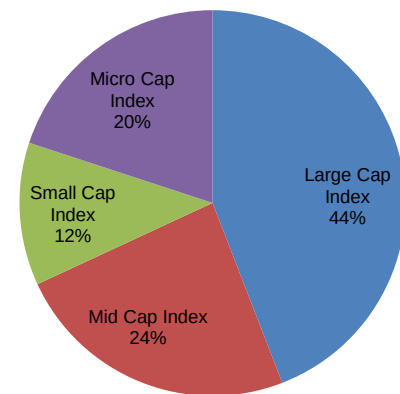
| Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Xu hướng dài hạn |
|-------------------|--------------------|------------------|
| Tích lũy          | Tăng               | Tăng             |
| Hỗ trợ 1          | Hỗ trợ 2           | Hỗ trợ 3         |
| 54                | 50                 |                  |
| Kháng cự 1        | Kháng cự 2         | Kháng cự 3       |
| 59                | 64                 |                  |

### VN-INDEX

- Sau gần hai tuần giao dịch sideways trên đường trendline ngắn hạn, chỉ số VN-Index đã giảm điểm mạnh và break qua mốc hỗ trợ này.
- Phiên break này được xác nhận bởi tín hiệu của RSI khi mà RSI cũng đồng thời break đường trendline ngắn hạn. Tuy nhiên phiên break hôm nay không có tín hiệu xác nhận đủ tin cậy từ khối lượng giao dịch.
- Với việc không có tín hiệu xác nhận từ khối lượng giao dịch thì cần tiếp tục quan sát thêm tín hiệu của chỉ số VN-Index trong những phiên tới.
- Nếu chỉ số VN-Index vẫn tiếp tục giảm mạnh với khối lượng lớn thì xu thế giảm điểm của chỉ số VN-Index vẫn tiếp diễn.
- Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số VN-Index trong trường hợp này khu vực 360 điểm.

### HNX-INDEX

- Sau gần hai tuần sideways trên ngưỡng hỗ trợ là đáy lịch sử 54.64 điểm, chỉ số HNX-Index đã break nhẹ mức đáy này và tiếp tục tạo mức thấp mới.
- Phiên break này được xác nhận bởi tín hiệu của RSI khi mà chỉ số RSI cũng break trendline ngắn hạn. Tuy nhiên phiên break hôm nay không có tín hiệu xác nhận đủ tin cậy từ khối lượng giao dịch.
- Với việc không có tín hiệu xác nhận từ khối lượng giao dịch thì cần tiếp tục quan sát thêm tín hiệu của chỉ số HNX-Index trong những phiên tới.
- Nếu chỉ số HNX-Index vẫn tiếp tục giảm mạnh với khối lượng lớn thì xu thế giảm điểm của chỉ số HNX-Index vẫn tiếp diễn.
- Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số HNX-Index trong trường hợp này khu vực 50 điểm.

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH**
**KLGD và VN-Index trong phiên**

**KLGD và HNX-Index trong phiên**

**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**

**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**

**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**

**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**

**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | NVT   | 212,020     | HPG   | 425,290     |
| 2  | KDC   | 167,200     | STB   | 189,920     |
| 3  | MBB   | 145,460     | HSG   | 170,510     |
| 4  | SBT   | 141,470     | TDH   | 165,080     |
| 5  | PVD   | 126,520     | VIC   | 112,910     |

## HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PVS   | 242,900     | PVL   | 10,000      |
| 2  | DBC   | 43,000      | PVA   | 300         |
| 3  | TC6   | 23,000      | QHD   | 300         |
| 4  | SHB   | 18,000      | DLR   | 100         |
| 5  | LAS   | 17,600      | AAA   | 0           |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| ITA | 4.5        | 4.3      | ↓ -4.44% | 1,772,630 |
| SSI | 16.3       | 15.7     | ↓ -3.68% | 1,618,750 |
| VNE | 6.1        | 5.9      | ↓ -3.28% | 1,221,990 |
| ABT | 38.7       | 38.0     | ↓ -1.81% | 1,025,620 |
| SAM | 6.5        | 6.3      | ↓ -3.08% | 963,360   |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| PVX | 4.4        | 4.1      | ↓ -6.82% | 3,029,531 |
| KLS | 8.0        | 7.6      | ↓ -5.00% | 2,273,900 |
| VND | 8.8        | 8.3      | ↓ -5.68% | 2,127,200 |
| SCR | 6.1        | 5.7      | ↓ -6.56% | 1,799,856 |
| ACB | 16.5       | 15.9     | ↓ -3.64% | 1,719,678 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| IFS | 12.1       | 12.7     | 0.6 | ↑ 4.96% |
| FDC | 16.4       | 17.2     | 0.8 | ↑ 4.88% |
| TMS | 20.9       | 21.9     | 1.0 | ↑ 4.78% |
| OPC | 36.0       | 37.7     | 1.7 | ↑ 4.72% |
| HPG | 19.3       | 20.2     | 0.9 | ↑ 4.66% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| ITQ | 10.5       | 12.9     | 2.4 | ↑ 22.86% |
| SCJ | 6.0        | 6.4      | 0.4 | ↑ 6.67%  |
| SDC | 7.5        | 8.0      | 0.5 | ↑ 6.67%  |
| VBC | 15.1       | 16.1     | 1.0 | ↑ 6.62%  |
| NHC | 18.2       | 19.4     | 1.2 | ↑ 6.59%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| DDM | 1.4        | 1.3      | -0.1 | ↓ -7.14% |
| CCL | 4.0        | 3.8      | -0.2 | ↓ -5.00% |
| TDH | 10.0       | 9.5      | -0.5 | ↓ -5.00% |
| TTF | 4.0        | 3.8      | -0.2 | ↓ -5.00% |
| VNG | 6.0        | 5.7      | -0.3 | ↓ -5.00% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| PSG | 1.2        | 1.1      | -0.1 | ↓ -8.33% |
| VCH | 1.2        | 1.1      | -0.1 | ↓ -8.33% |
| THV | 1.3        | 1.2      | -0.1 | ↓ -7.69% |
| BLF | 2.9        | 2.7      | -0.2 | ↓ -6.90% |
| VHH | 2.9        | 2.7      | -0.2 | ↓ -6.90% |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| ITA | 1,772,630 | 1.2%  | 161   | 26.6 | 0.3 |
| SSI | 1,618,750 | 8.6%  | 1,246 | 12.6 | 1.1 |
| VNE | 1,221,990 | 13.8% | 1,428 | 4.1  | 0.5 |
| ABT | 1,025,620 | 23.5% | 8,345 | 4.6  | 1.0 |
| SAM | 963,360   | 2.7%  | 473   | 13.3 | 0.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| PVX | 3,029,531 | -8.3% | (981) | -    | 0.4 |
| KLS | 2,273,900 | 5.9%  | 735   | 10.3 | 0.6 |
| VND | 2,127,200 | 0.0%  | (3)   | -    | 0.8 |
| SCR | 1,799,856 | 4.0%  | 649   | 8.8  | 0.4 |
| ACB | 1,719,678 | 27.7% | 3,858 | 4.1  | 1.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|--------|--------|---------|-------|-----|
| IFS | ↑ 5.0% | -60.1% | (1,479) | (8.6) | 4.4 |
| FDC | ↑ 4.9% | 5.7%   | 1,098   | 15.7  | 0.9 |
| TMS | ↑ 4.8% | 13.0%  | 3,234   | 6.8   | 0.9 |
| OPC | ↑ 4.7% | 14.4%  | 3,687   | 10.2  | 1.4 |
| HPG | ↑ 4.7% | 10.0%  | 2,223   | 9.1   | 0.9 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ITQ | ↑ 22.9% | 4.3%  | 440   | 29.3 | 1.2 |
| SCJ | ↑ 6.7%  | 4.1%  | 1,217 | 5.3  | 0.2 |
| SDC | ↑ 6.7%  | 10.6% | 2,006 | 4.0  | 0.4 |
| VBC | ↑ 6.6%  | 26.7% | 5,153 | 3.1  | 0.8 |
| NHC | ↑ 6.6%  | 15.3% | 3,855 | 5.0  | 0.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| NVT | 212,020 | -8.5% | (925) | -    | 0.4 |
| KDC | 167,200 | 6.3%  | 1,714 | 16.0 | 1.1 |
| MBB | 145,460 | 22.7% | 3,347 | 3.9  | 1.0 |
| SBT | 141,470 | 25.1% | 3,386 | 4.9  | 1.3 |
| PVD | 126,520 | 18.6% | 5,651 | 5.9  | 1.0 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-----|-----|
| PVS | 242,900 | 24.9% | 4,752 | 3.2 | 0.8 |
| DBC | 43,000  | 32.2% | 9,288 | 2.2 | 0.7 |
| TC6 | 23,000  | 27.8% | 6,307 | 1.9 | 0.5 |
| SHB | 18,000  | 15.3% | 1,849 | 3.3 | 0.5 |
| LAS | 17,600  | 40.1% | 5,920 | 4.7 | 1.6 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | 73,337  | 26.0% | 4,692 | 8.2  | 2.8 |
| MSN | 66,323  | 14.1% | 4,142 | 23.3 | 4.7 |
| VNM | 64,462  | 37.9% | 8,781 | 13.2 | 4.6 |
| VIC | 57,788  | 22.0% | 2,769 | 29.8 | 5.9 |
| VCB | 55,386  | 11.6% | 1,885 | 12.7 | 1.4 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 14,909  | 27.7% | 3,858 | 4.1  | 1.1 |
| SQC | 8,800   | 10.9% | 1,221 | 65.5 | 6.8 |
| PVS | 4,556   | 24.9% | 4,752 | 3.2  | 0.8 |
| PVI | 3,556   | 8.2%  | 2,120 | 7.4  | 0.6 |
| VCG | 3,136   | 10.6% | 1,151 | 6.2  | 0.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| KSH | 2.50 | -5.9% | (702) | -    | 0.6 |
| KSA | 2.43 | 2.6%  | 345   | 31.6 | 0.8 |
| HQC | 2.42 | 2.9%  | 355   | 10.4 | 0.3 |
| DXG | 2.42 | 0.6%  | 90    | 80.9 | 0.6 |
| NVT | 2.40 | -8.5% | (925) | -    | 0.4 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| BKC | 2.81 | -9.1%  | (1,470) | -    | 0.4 |
| CTM | 2.71 | -1.4%  | (156)   | -    | 0.3 |
| PVV | 2.66 | -11.9% | (1,275) | -    | 0.2 |
| POT | 2.46 | 2.9%   | 434     | 16.8 | 0.5 |
| S99 | 2.42 | 2.7%   | 292     | 13.0 | 0.3 |



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm  
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết  
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn  
Thái Bình, Quận I  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà  
Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Người thực hiện:

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*